TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI** Số: 34/2017/QĐST-DS	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Pleiku, ngày 12 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 296/2017/TLST-DS, ngày 27 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà M, sinh năm 1958.

Địa chỉ: đường Đ, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai .

- Bị đơn: Bà L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: đường Đ, tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về khoản nợ: Bà M và bà L công nhận: Bà L còn nợ bà M số tiền 530.000.000 đồng (năm trăm ba mươi triệu đồng). Bà Mkhông yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

- Về thời hạn và phương thức trả tiền như sau:

Bà M và bà L thỏa thuận: Bà L có trách nhiệm trả cho bà M số tiền 530.000.000 đồng (năm trăm ba mươi triệu đồng) theo phương thức như sau:

- Từ ngày 04/7/2017 đến ngày 04/8/2017 bà L trả cho bà M số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

- Từ ngày 05/8/2017 đến ngày 05/8/2018 bà Ltrả cho bà M số tiền là: 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng).

- Từ ngày 06/8/2018 đến ngày 06/8/2019 bà L trả cho bà M số tiền là: 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng).

- Từ ngày 07/8/2019 đến ngày 07/8/2020 bà L trả cho bà M số tiền là: 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng).

- Từ ngày 08/8/2020 đến ngày 08/8/2021 bà L trả cho bà M số tiền là: 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng).

- Từ ngày 09/8/2021 đến ngày 09/8/2022 bà L trả cho bà Msố tiền là: 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng).

- Từ ngày 10/8/2022 đến ngày 10/8/2023 bà L trả cho bà M số tiền là: 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng).

- Từ ngày 11/8/2023 đến ngày 11/8/2024 bà L trả cho bà M số tiền là: 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng).

- Từ ngày 12/8/2024 đến ngày 12/8/2025 bà L trả cho bà M số tiền là: 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng).

- Từ ngày 13/8/2025 đến ngày 13/8/2026 bà L trả cho bà M số tiền là: 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng).

- Từ ngày 14/8/2026 đến ngày 14/8/2027 bà L trả cho bà M số tiền là: 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng) là hết nợ.

Trường hợp bà L vi phạm một trong các mốc trả nợ nêu trên thì bà M có quyền yêu cầu thi hành án thu hồi toàn bộ số nợ còn lại trước thời hạn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 12.600.000đ (mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng), bà L tự nguyện chịu toàn bộ án phí. Bà M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 13.600.000đ (mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002691, ngày 27/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tp P
- Chi cục Thi hành án dân sự TP P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN